

## PHẨM LỰC CHỨNG TÁNH.

Các sư xưa nói: “trên đến đây, với năm phẩm nói về pháp sở Học. Mười một phẩm dưới đây sẽ nói về hạnh của Học kia. Dù rằng phẩm hạnh là pháp, nhưng trước là thể của pháp, còn dưới đây là nghi thức của phương tiện tu tạo, nên, gọi là chung là xứ phương tiện. Trong đó có ba:

- 1- Một phẩm đầu nói về phương tiện Nhiếp Học căn bản.
- 2- Kế là, có chín phẩm tạo duyên chánh Học .
- 3- Một phẩm sau, Nhân Học, thành đức.

Nay, thì không như thế, Trì Học thứ ba có mười sáu phẩm, năm phẩm trước, nói xứ sở học. Y cứ nói sở học (đối tượng Học), gồm có người “năng học” (chủ thể học), chưa nói nên học như thế nào?. Một phẩm thứ sáu, chính nên là nói học hành như thế. Mười phẩm còn lại chánh là nói về năng Học. Y cứ nói về hạnh của năng học, gồm có pháp sở học, nên về Trì học, trước nói rằng: “Nếu xứ “sở học” nói là Học như thế có thể tu học, nên có ba chương. Nếu theo phẩm thứ nhất này thì tức là sẽ có sinh khởi, hoặc văn của xứ sở học.”

Đã giải thích năm phẩm xong, đến phẩm Lực Chứng Tánh này lại có sinh khởi, nếu văn của sự Học như thế là nói

Từ trên đến đây, nói về sáu phẩm xong.

Giải thích: “Nếu có thể tu học trong phẩm Thí, thì đầu tiên, dù không có sinh khởi văn để tu học, nhưng lấy lý này để y theo tông của năm phẩm trước, để nói xứ sở học gồm có người “năng học”.

Mười một phẩm dưới đây sẽ nói về hạnh sở học, dù nói về pháp sở học, người “năng học”, tức ba câu đầu của Học trì, hoặc xứ sở học; hoặc học như thế.

Chia phẩm nhiều ít. Câu đầu, nói pháp mới học, dù nói về pháp sở học mà chưa nói “nên học như thế”, cho nên, hai câu theo thứ lớp nói “nên học như thế”. Nếu chủ thể tu học là xứ sở học, thì trong “Học như thế” gồm để nói. Về nghĩa này cũng chưa rõ ràng, chưa giải thích như trước chia làm ba lại vượt hơn.

Hoặc xứ sở học; hoặc học như thế, sáu phẩm trước mới có sinh khởi, có thể tu học trong phẩm Thí, dù không có sinh khởi, nhưng công đức cuối cũng có văn kết. Cho nên biết Mười phẩm là Học chứng”.

Chứng tánh của Lực. Lực là mười lực, hạt giống của mười lực, gọi là chủng tánh lực. Phẩm chứng tánh thứ nhất trước, nói chung tất cả tánh, chủng tánh, chưa nói tập thành chủng tánh của mười Lực. Nay vì

muốn nói riêng về tập chủng tánh, nên nói phẩm Lực chủng tánh.

Trong văn, đầu tiên, là kết trước, sinh sau; kế là, chia ra nêu chương môn. Sau dựa vào chương để nói rộng.

Trong phần chia ra gồm có:

1- Nêu tụng.

2- Văn xuôi nói về kệ.

Bồ-tát trước, muốn nói năm phẩm, bảy pháp, Học xứ được thích hợp, tinh tấn, siêng năng tu học. Trước nên phát nguyện. Nguyên là Thắng giải. Thắng giải xong, cầu pháp. Tự mình đã cầu pháp, nên nói cho người khác nghe. Nói xong nên tự tu hành. Chính mình đã tu rồi, lại truyền dạy cho người khác sao cho họ tu điều thiện. Lại dạy răn người khiến họ dứt bỏ việc ác. Người khác đã trụ trong truyền dạy, khuyên răn, thì có thể thu nhiếp thân, ngữ, ý khởi sự thực hành điều lành.

Trong phần dựa vào chương để nói, có mười đoạn; đầu tiên, trong phần nói về Thắng giải, trước, là nói về tám thứ thắng giải, sau, nói chung tu tám nhân duyên thành tựu viên mãn.

Ở phần trước nói: “Đôi với tám thứ kia, cho đến quyết định Hỷ, Lạc; Pháp sư cảnh nói: “Thắng giải, Tín, dục trong đây, “dục” là Hỷ, Lạc đều là thể của nguyện, với tám cảnh này gọi là chỗ nguyện nương tựa.”

Luận sư Trắc nói hai giải thích:

1/ “Hỷ, Lạc của số Thắng giải là số của dục khởi sự vào địa vị Phật, cần phải trước hết, khởi tín hạnh, thuận với câu Tam bảo thì mới nhập được ”.

2/ “Thắng giải là số giải thoát đối với Tam bảo, đối tượng duyên, quyết định Thắng giải”.

Hỏi: “Nếu vậy, vì sao luận nói rằng: “Tín tịnh là quyết định Hỷ, Lạc ở trước ư?”

Giải thích “Hai pháp: Tín, dục này là số giải thoát, đồng thời là giúp đỡ. Do hai pháp này có thể tạo ra tướng quyết định đối với Tam bảo.”

Dù có hai giải thích, nhưng giải thích trước là vượt hơn. Dưới đây sẽ giải thích về không là số của số một, hai v.v... của Cựu luận, nên Pháp sư Viễn v.v... đã lầm số tám thứ Thắng giải, tức số Tam bảo là ba; đối với Bồ-tát v.v... là thứ tư; nghĩa Chân là thứ năm; Nhân, quả kết hợp là thứ sáu; về nghĩa nên được là thứ bảy; đối với phương tiện được là thứ tám.

Đối với ngôn ngữ v.v... thiện là nói chung tám pháp ở trước. Nay

tân luận này nói: “Một, hai v.v... rõ ràng không biết. Y cứ mỗi pháp trong tám, so sánh có hai đoạn:

1/ Dẫn kinh nói thành Thắng giải.

2/ “Các ở” trở xuống, là Bồ-tát Di-lặc giải thích y kinh:

1- Đối với Tam bảo nguyện cúng.

2- Nguyện được thân thông.

3- Đối với hai Đế, nguyện chứng.

4, 5- nguyện thông suốt trong lý nhân, quả.

6- Nguyện được Bồ-đề.

Pháp sư Thái nói: “Đối với nghĩa nên được, Bồ-đề có nghĩa lợi lớn, gọi là đó là nghĩa. Vì nên được Đại Bồ-đề, nên nói rằng, ở nghĩa nên được.

7- Tu hành phương tiện Bồ-đề.

8- Nguyện hiểu rõ mười hai phần giáo.

Nói: “Ở thiện ngôn, thiện ngữ, thiện thuyết: Luận sư Cảnh định bổ khuyết rằng: “Mười hai bộ kinh vì y cứ ở Tạng không đồng, nên có ngôn, ngữ, nói riêng.”

Thứ hai, trong giải thích về câu pháp, trước hỏi, sau đáp. Trong hỏi có ba:

1- Sẽ câu ở đâu? là hỏi pháp đã câu.

2- Câu là thế nào? là hỏi về cách thức câu.

3- Nghĩa nào nên câu? Nghĩa là hỏi về ý câu.

Dựa vào ba câu hỏi này, đáp cũng có ba:

Trong đáp câu hỏi một, có hai:

a/ Khai hợp năm minh, nói về câu bốn pháp.

b/ “Tất cả như thế, v.v... ” trở xuống, là ly hợp bốn pháp, nói câu năm minh.

Trong phần trước, nói “Sẽ câu tạng Bồ-tát, tạng Thanh văn”, đây là chia nội minh ra làm hai pháp. Tất cả luận của ngoại đạo, đây là kết hợp: Nhân minh, Thỉnh minh; Y phương minh làm pháp ngoại. Vì trong luận ngoại đạo, trước nói về luận Nhân minh, Thỉnh minh v.v... Pháp Phật cũng thường nói về Nhân minh, nhưng chưa áp dụng nhiều. Về sau, đến Luận sư Như ý, mới bắt đầu soạn tập, nhằm ngăn ngừa vấn nạn của luận ngoại đạo, mới thực hành dần, nhưng chưa thể chế phục được đối phương. Sau, đến ngài Trần-na, bộ môn này mới bắt đầu hưng thịnh. Tất cả ngoại đạo đều đến nghe, tập. Cho nên, từ gốc kết hợp với ba minh kia là luận của ngoại đạo. Tất cả luận giả công nghiệp xứ của thế gian, việc làm của xứ sở công xảo minh, phần nhiều lập riêng làm

một, là thứ tư.

Nói: “phải biết đối với mười hai phần giáo, một phần phương Quảng chỉ cho Tạng Bồ-tát, các phần còn lại là tạng Thanh văn”. Luận của cực dịch Địa Trì nói: “Mười một bộ khác chỉ có Tạng Thanh văn, tức là Đại thừa không có mười hai bộ. Nay nói: “Các phần còn lại có Tạng Thanh văn, là tức Đại thừa có đủ mười hai. Trong Thanh văn chỉ có mười một trừ phần Phương Quảng. Một chữ sai lầm, thì lý thú sẽ cách xa. Nghĩa ấy ra sao? Vì một phần phương Quảng nói về lý Đại thừa, nên chỉ có Tạng Bồ-tát, Mười một còn lại là tạng Thanh văn, có khi chẳng phải Thanh văn tạng. Như Đối Pháp nói: “năm thứ như kế kinh v.v... thuộc về Tố-Đất-Lãm trong tạng thanh văn”. Thì Đại thừa cũng có nghĩa của năm bộ này, vì đều nói về sự Phương Quảng. Vì thế, ngoài Phương Quảng không lập riêng. Vì Tiểu thừa không có phương Quảng, nên lập riêng năm bộ này. Năm bộ này vì không có hai tạng tương ứng riêng, nên chỉ thuộc Tố-Đất-Lãm.

Về sau, Luận Đối Pháp kia nói: “Duyên khởi, Thí dụ, Bản sự, Bản sinh, bốn pháp này thuộc về quyển thuộc Bồ-tát của tạng Tỷ-nại-da trong hai tạng. Phương Quảng, pháp vị tăng hữu, hai pháp này thuộc Tố-Đất-Lãm trong tạng Bồ-tát.

Kinh khác và Luận tạng này, ở đoạn văn sau có điểm bất đồng, nghĩa là kết hợp giải thích trong lời ký của quyển tư, quyển năm như trước.”

Nói về bốn pháp ly, hợp nhằm nói, tìm câu năm Minh.

Trong phần đầu, nêu về năm minh, thứ hai, là hỏi đáp, phân biệt, trong đó.

1) Hỏi đáp nói về pháp “giải thích” của năm minh nhiều, ít.

2) Nói rộng về nghĩa “sở thuyên” của Nhân minh.

Trong phần trước, hỏi về giáo của năm minh, gọi là pháp giải thích nghĩa, mỗi thứ có bao nhiêu tướng chuyển?

Trong phần đáp, về nghĩa giải thích của Luận Nhân minh dù có vô lượng tông nói về Nhân, quả. Nhưng vì tông của Nhân Minh nói về tỷ lượng, nên chứng tỏ dẹp bỏ người khác, tự lập đạo lý.

Về Thịnh minh:

1/ Bày tỏ an lập tướng của giới, nghĩa là bày tỏ Thể của chữ, chủ thể thành lập tướng, đây là nói về “duyên” chữ.

2/ Hiển bày tướng thắng lợi của ngữ công, nghĩa là nói về dụng của Thịnh minh, cái gọi là tướng nam, nữ, trên, dưới v.v... gọi là thắng lợi của ngữ công. Về tướng trạng của hai minh sau, rất dễ hiểu.

Từ đây, trở xuống, là hỏi đáp, nói rộng về nghĩa “sở duyên” của Nhân minh, trong đó, trước là giải thích về tướng của chánh nhân, quả. Sau, nói về tướng-trạng đã làm, chưa làm, được, mất.

Trong phần trước có ba:

1/ Giải-thích về tướng Nhân, tức là mười Nhân.

2/ Giải-thích về tướng Quả, tức là năm quả.

3/ Tổng kết, Bồ-tát biết tướng Nhân, Quả xong, khiến cho chủng-tánh, trí lực của Xứ, phi xứ ngày càng được tăng-trưởng dần.

Trong phần trước, gồm có;

1/ Nêu chung về số.

2/ Nêu ba chương.

3/ Giải-thích.

4/ Giải-thích xong, tổng kết không có quá tăng .

Theo trong giải-thích thứ ba, trước giải-thích về nêu số. Sau, giải thích ba chương.

Trong phần trước, trước là hỏi, sau là đáp. Trong phần đáp, đầu tiên, nêu mười danh. Kế là, giải-thích mười Nhân. Sau, đối với hai nhân, bốn duyên nhiếp nhau thông bát.

Vấn giải-thích mười nhân, tức giải-thích chung về nghĩa của mười Nhân, ba tánh. Trong đó, ba pháp: danh, tướng và ngôn-thuyết là nhân tùy thuyết. Do tướng, thuyết, pháp, danh mà khởi ngôn thuyết, do nói nghĩa rõ ràng là tức pháp tùy theo thuyết làm rõ danh, tùy theo thuyết nhân. Luận sư Cơ nói nghĩa là vì có sắc, danh như trước, cho nên về sau, khi nghe danh này, liền khởi tướng nhận lấy hình-tượng thiện, ác. Do nhận lấy hình-tượng này nên bèn khởi nhân của ngôn-thuyết là lời nói về sắc v.v...

Lại, như luận Tạp Tập , quyển hai nói nhân tùy thuyết , nghĩa là danh, tướng thấy ngôn thuyết, dùng cả trước làm thể, luận này không nói ngôn, kiến đó là có ý gì? Do tướng nhận lấy hình tượng của sắc, nên liền khởi chấp mắc, chấp mắc, gọi là kiến, do chấp mắc, nên khởi ngôn-thuyết”.

Hỏi: Nếu là nhân Thanh-tịnh thì sao gọi là chấp mắc?

Vì kiến của Nhân thanh-tịnh, tức chánh-kiến. Vì gọi là pháp kia, nên dù chẳng phải chấp mắc, nhưng cũng gọi là “Kiến”.

Thuyết của Luận Tạp Tập kia nói, do tác-dụng của tướng đều khác nhau, nên luận v.v... không nói đến, nghĩa là đối với nhận lấy hình-tượng, khởi chấp mắc, tức một vật giống nhau, do “Kiến” thuộc trong tướng, cho nên không nói.

Lại, như thông thường có nói năng, chỉ có tưởng, chưa hẳn khởi chấp, nên luận kia y cứ ở kết hợp pháp tạo tác, đều khởi chấp mắc mà nói luận này chỉ y cứ ở chỗ không chấp mà nói, do đó, không trái nhau”.

Kế vì quán đối đãi pháp này làm nhân, nên cầu lấy pháp kia, gọi là nhân quán đãi.

Nói: “Tất cả hạt giống đối với quả của mình sau này, gọi là nhân dẫn dắt.” Nghĩa là theo văn trong đây, chung cho phần huân tập thủ, hữu, lôi kéo quả Dị thực sau. Lại, có huân tập danh ngôn, dẫn đến quả đồng loại sau, gọi là nhân dẫn dắt. Trừ ba duyên khác của hạt giống nhân duyên, gọi là nhân nhiếp thọ, gồm thâu chung hai thứ hạt giống của phần hữu, danh ngôn. Mới niệm về quả của mình, gọi là nhân sinh khởi, tức đồng thời sinh.

Pháp sư Thái nói: “Như Quyết Trạch nói: “Dựa vào các hành nghiệp tịnh, bất tịnh, chỗ tập khí nường tựa, giả đặt ra nhân dẫn dắt. Dựa vào hạt giống thấm nhuần hữu, chỗ nhân nường tựa, giả đặt nhân sinh khởi. Vì sao? Vì các hạt giống đã được thấm nhuần này, trước đã lôi kéo, đều có tự thể riêng, sẽ được sinh khởi. Như kinh nói: “Nghiệp là nhân của bào sinh; ái là nhân sinh khởi.”

Giải thích: “Do nghiệp thấm nhuần hạt giống ái, nên báo mới được sinh khởi. Khi mới khởi; vì cần ái thấm nhuần mới khởi, nên hạt giống của; ái đối với quả mới khởi”.

Giải thích: “Do nghiệp thấm nhuần hạt giống ái, nên báo mới được sinh khởi. Khi mới khởi vì cần ái thấm nhuần mới khởi, nên hạt giống của ái đối với quả mới khởi, gọi là nhân sinh khởi. Thời gian sau, nối tiếp nhau, lại không do ái, như La-hán không có báo ái, cũng được nối tiếp nhau, chỉ do sức nghiệp nối tiếp nhau khởi báo sau, nên nói rằng: “Tất cả hạt giống đối với tự quả sau, gọi là nhân dẫn dắt. Hai nhân này tức nghĩa của hai nhân dẫn sinh của luận Nhiếp Đại thừa .

Theo Pháp sư Viễn , thì phương Tây có ba giải thích:

1- Giải thích: “Tất cả hạt giống của báo đối với niệm ban đầu khởi, gọi là nhân sinh. Đối với niệm sau trở đi, khởi báo, gọi là nhân dẫn.

2- Giải thích: “Đầu tiên đối với một báo sinh thân, gọi là nhân sinh, đối với thân chết sau, gọi là nhân dẫn. Cho nên Luận Nhiếp Đại Thừa nói: “Chết, vẫn còn nối tiếp nhau”.

3- Giải thích: “Vô minh, hành đối với sinh, già chết ở vị lai, gọi là Nhân dẫn. Ái, Thủ, Hữu đối với sinh, già chết là nhân sinh. Vì cho nên

vô minh, hành trong mười hai nhân duyên là chi “năng dẫn” (chủ thể dẫn), Ái, Thủ, Hữu là chi “năng sinh”.

Kế là gồm thâu chung tất cả hạt giống trước đã sinh hiện hạnh, gọi là nhân dẫn phát. Gồm thâu chung pháp ba tánh v.v... của nội, ngoại, mỗi pháp đều là nhân duyên khác nhau, gọi là nhân quyết định riêng. Tùy bất cứ pháp nào khởi, đều nhờ vào nhân quán đãi này v.v... mới được sinh khởi, gọi là nhân đồng sự. Tất cả hữu vi trở ngại, pháp sinh là nhân trái nhau. Nhân không trái nhau rất dễ hiểu.

Theo cách giải thích của luận Địa Trì bản cựu dịch, “Hai nhân ban đầu và hai nhân sau chung. Trong sáu nhân trung gian đều giải thích trong đây, chỉ y cứ ở nhân vô ký của pháp ngoại để giải thích.

Dưới đây nêu sáu thứ trái nhau: Chính thức lấy trái nhau của sinh khởi, gọi là nhân trái nhau.

Trong oán địch trái nhau nói rằng: “Nói là rắn độc, chuột, sói, mèo, chồn, chuột dữ. Các loài này là kẻ thù lẫn nhau. Cho đến chuột dữ trở nên sợ rắn độc. Như thế theo thứ lớp mà oán thù lẫn nhau, lúc gặp nhau, chúng không có tâm tình.”

Từ đây trở xuống đối với hai nhân, bốn duyên nhiếp nhau thông suốt, bít lấp. Đầu tiên, đối với hai nhân phải biết dẫn dắt, hạt giống sinh khởi hạt giống, gọi là nhân “năng sinh”; các nhân “sở thuyên”, gọi là nhân phương tiện: Duy thức nêu ra hai thuyết:

1/ “Ở đây nói dẫn dắt, sinh khởi, dẫn phát, quyết định sự việc đồng khác, , các hạt giống nhân duyên trong bất trái nhau, ở phần vị chưa thành thực, gọi là hạt giống dẫn dắt, phần vị đã thành thực, gọi là hạt giống sinh khởi. Các hạt giống nhân duyên trong sáu nhân kia đều gồm thâu trong hai giai vị này, nên dù có nhân của chủ thể sinh hiện tại, như sinh tự chủng trong bốn nhân mà phần nhiều xen hở.

2/ Ở đây lược qua không nói. Hoặc gần nói về quả, cũng đặt tên là chủng, như nói giống lúa mì hiện hành. Nhân khác nghĩa là hai, năm, chín nhân ban đầu và pháp chẳng phải nhân duyên trong sáu nhân, đều là hạt giống nhân duyên khác của sinh, thực, nên nói chung thuộc về nhân phương tiện, chứ chẳng phải hai hạt giống này chỉ thuộc về hai nhân kia. Vì có hạt giống nhân duyên trong bốn nhân khác, chứ chẳng phải tám nhân kia gọi là nhân khác. Hai nhân kia cũng có hạt giống chẳng phải nhân duyên, nên nói “ở đây nói hạt giống dẫn dắt, tức các nhân khác của hai nhân kia, tức tám nhân khác kia dù trong hai nhân có chẳng phải năng chủ thể sinh, mà chung nhân duyên vì vượt hơn rõ ràng nên nói khắp. Dù trong nhân khác có nhân chẳng phải phương tiện, mà



tăng thượng nhiều là vì rõ ràng nên nói khắp”.

Ngài Tam Tạng nói: “Trong Địa Bồ-tát này nói hai nhân dẫn dắt, sinh khởi, đều chung cho huân tập phần hữu và danh ngôn, nên hai nhân này đều thuộc về nhân “năng sinh”. Trong Địa Tầm, Từ chỉ nói huân tập phần hữu là nhân dẫn dắt, cho nên không nhập “năng sinh” (chủ thể sinh) thuộc về nhân dẫn dắt.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Hai nhân dẫn dắt, sinh khởi đâu có riêng khác?”

Nghĩa là: “Hai thứ khác nhau:

1- Rộng, hẹp khác nhau. Nhân dẫn dắt chung cho duyên tăng thượng, nhân duyên, nên thuộc về hai nhân: Nhân năng sinh và nhân phương tiện. Nhân sinh khởi hẹp, chỉ thuộc nhân duyên.

2- Thấm nhuần, chưa thấm nhuần khác nhau, nên trong y xứ nói: “Nhân dẫn dắt là nhân y xứ của tập khí, hạt giống của chi Hành, Thức chưa bị thấm nhuần. Nhân sinh khởi là nhân y xứ của hạt giống có thấm nhuần, tức đã bị thấm nhuần, cho nên có khác nhau.

Kế là, đem bốn duyên chung với hai nhân gồm thâu nhau. Ở đây nói nhân duyên thuộc về nhân “năng sinh”, tánh của duyên tăng thượng tức thuộc nhân Nhiếp Thọ, của hai duyên trung gian của nhân phương tiện. Luận Duy thức giải thích: “Dù cho nhân phương tiện có đủ ba duyên sau, nhưng vì duyên tăng thượng nhiều, nên ở đây nói riêng. Nhân khác cũng có hai duyên trung gian, nhưng vì làm rõ trong Nhiếp Thọ, nên nói riêng.

Trên đến đây, đều là giải thích, đầu tiên nêu số có mười nhân xong. Dưới đây là giải thích mười nhân của ba tánh và lập ba câu hỏi. Sau, đáp theo thứ lớp, trong đó trước là giải thích về nhân thế gian. Nói rộng như Nhiếp xác luận nói. Luận sư Cảnh nói: “Cũng như người đi buôn trong đây, cần phải thuật lại giống nhau”. Pháp sư Cơ nói: “theo tục lệ của cõi nước kia, chép sự việc sáng suốt, xác thực v.v... gọi là Nhiếp xác luận.”

Kế là, giải thích về mười nhân tạp nhiễm.

Nói: “Cảnh giới quán đảnh mà có vị ái, cho đến làm nhân quán đảnh. Nghĩa là ái là gốc của sinh, tử, do ái kia là gốc của các phiền não sinh nhiều “hoặc” khác, phát nghiệp được báo, nên Chi Hữu nối tiếp nhau, tức nói ái kia là nhân quán đảnh.

Pháp vô minh v.v... trong hiện pháp cho đến làm nhân dẫn dắt. Pháp sư Thái nói: “Vô minh, Hành ở hiện tại huân tập thành hạt giống, do hạt giống này đối với sinh, già chết v.v... của đời sống khác ở vị lai,



vì dẫn dắt xa nên làm nhân dẫn dắt. Nếu ái, thủ, hữu trong hiện tại, thì đối với sinh, già chết là nhân sinh khởi trong nhân dẫn dắt.

Luận sư Trắc nói: “Hạt giống vô minh v.v... ở hiện tại do nhân dẫn dắt ở trước, đối với dẫn sinh, già chết, đều là hạt giống. Nay, nhân dẫn dắt này cũng do hạt giống của danh sắc, sáu nhập v.v... đối với dẫn sinh, già chết, đều là hạt giống, đâu có khác nhau?”

Giải thích: “Y cứ sự thật để nói thì đều là hạt giống. Đối với một hạt giống là hai nghĩa kia. Chủ thể dẫn dắt gần khởi, gọi là nhân dẫn dắt; dẫn dắt xa, gọi là nhân dẫn dắt.

Nói: “Chi vô minh khác và tự hạt giống, cho đến Chi hữu, sinh ra Na-Lạc-Ca (địa ngục) v.v... Luận sư Cảnh nói: “Chi vô minh khác, lược qua không nói Hành. Tự chủng tử, là tức hạt giống của năm chi như thức v.v... Cho đến Chi Hữu, nghĩa là vượt qua ái, thủ, chỉ nói chi Hữu. Từ mạnh mẽ chỉ nói ở nghiệp. Nếu duy trì sự thấm nhuần kia về sau, sự mạnh yếu gồm thấu chung năm chi như thức v.v... hạt giống danh ngôn cũng là chi Hữu.”

Pháp sư Thái nói: “Từ chi Vô minh, cho đến chi hữu hiện khởi và hạt giống làm nhân, đều sinh ra sự khác nhau của năm đường, là quyết định nhân riêng.”

Luận sư Trắc nói: “Đọa Na-lạc-ca, chi vô minh, cho đến chi Hữu, đối với bốn đường còn lại, gọi là khác.”

Dưới đây, nói về mười nhân thanh tịnh:

Các hạnh quán đãi, vì nhiều tai hoạn lỗi lầm, nên ưa mong cầu thanh tịnh. Luận sư Cảnh nói: “Các hạnh quán đãi nhiều lỗi lầm, nghĩa là chính đáng phát ra Thể của nhân quán đãi.

“Ưa mong cầu v.v... ” trở xuống, là nêu ra quả do nhân quán đãi sinh ra. Ưa mong cầu thanh tịnh, nghĩa là phát nguyện. Nhiếp thọ thanh tịnh là khởi hạnh, thành mãn thanh tịnh là đắc quả.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Như thứ lớp, nghĩa là địa vị trước của địa mới phát tâm đã được vô lậu. Sơ địa trở lên và đã mãn, vì quả Phật vô lậu Viên mãn an trụ chủng tánh cho đến làm nhân dẫn dắt. Luận sư Cảnh nói: “Nếu đối với đạo Đế, thì gọi là nhân dẫn dắt. Nếu đối với diệt Đế, thì gọi là nhân chứng đắc. Trong văn tự nói là chứng hữu dư đối với diệt Đế. Chủng tánh kia đối với thanh tịnh là nhân dẫn dắt, dẫn đến đạo Đế.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Tức chủng tánh đối với chứng hai cõi Niết-bàn, Trí là nhân dẫn dắt. Đối với Niết-bàn, các căn thành tựu, nghĩa là tám thứ báo vượt hơn, như trước đã nói. Thuộc về chủng tánh cho đến

là nhân sinh khởi. Luận sư Cảnh nói: “Tương đồng thời này sinh ra nhân dẫn dắt ở trước, lời kéo xa nhân quả khác thời ở vị lai.”

Luận sư Trắc thuật lại các nước phương Tây có ba giải thích:

1- Theo Ngài Hộ pháp nói: “Do bản hữu “pháp nhĩ”, hạt giống vô lậu, chủ thể sinh của hiện hạnh vô lậu. Cho nên hiện hạnh vô lậu của Sơ địa trở lên, đều có nhân duyên, hoặc có hạt giống mới huân tập Địa tiền, là vì hữu lậu, nên chỉ là duyên tăng thượng. Sơ địa trở lên, mới huân tập hạt giống vô lậu, đối với hiện hạnh vô lậu kia cũng được làm nhân duyên, vì là vô lậu.”

2- Ngài Hộ Nguyệt nói: “Chỉ có hạt giống pháp nhĩ sử dụng hạt giống này làm nhân duyên sinh hiện hạnh vô lậu.”

3- Ngài Thắng Quân nói: “Chỉ có mới huân tập”.

Nay, luận này lại y cứ ở nghĩa có thể sinh nói là hạt giống.

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Nhất định trong nhân khác như, chỉ dùng tác pháp của Ba thừa, đây là y cứ theo thô để nói. Y cứ ở tế trong ba thừa lại chia ra vô lượng, vô số về quả nào, nhân nào v.v... ?”

Trong nhân đồng sự nói: “Nếu phẩm thanh tịnh, là phân biệt với đồng sự tạp nhiễm, nhưng trong tạp nhiễm ở trước không nói. Nếu nói nhân đồng sự của pháp phẩm tạp nhiễm, thì đây là ảnh lược. Lại ở đây nói nếu thanh tịnh, tức biết được nhân đồng sự của Tạp nhiễm ở trước, nên phải lựa chọn.”

Thứ tư kết rằng: “Như thế, hiện có mười nhân tạp nhiễm, mười nhân thanh tịnh, cho đến trừ mười nhân này, không có thêm quá. Pháp sư Thái nói: “Trước đây, nói trong ba thứ mười nhân trong mười nhân như lúa mì, v.v... mười nhân cũng là thuộc về phẩm Tạp nhiễm. Trong đây, nói chung là hai.”

Trên đến đây, đã giải thích tướng mạo của chánh nhân xong.

Dưới đây là thứ hai, nói về tướng trạng của chánh quả, tức là năm quả:

Thể của luận tức lấy Dị thực sinh và hạt giống của Dị thực danh ngôn, đều là thể của quả Dị thực.

Nói Dị thực, nghĩa là A-lại-da.

Khi khởi nhân báo đáp, trước, sau thường khởi chung khắp cả ba cõi, được gọi là Dị thực.

Dị thực sinh, nghĩa là ngoại trừ quả báo của A-lại-da, năm uẩn từ hạt giống của Dị thực khởi, được gọi là Dị thực sinh. Hạt giống của danh ngôn dù không là nhân báo đáp, nhưng nó là loại Dị thực gọi là quả Dị thực. Lại do vô minh và vì hành đã dẫn phát, nên cũng gọi là

quả Dị thực.

Kế là lấy chung ba tánh lậu, vô lậu trong ngoài . Kết tất cả hữu vi từ nhân đồng loại ở trước sinh, đều gọi là quả Đẳng lưu.

Niết-bàn Trạch diệt do được Thánh đạo khắc ghi, gọi là quả ly hệ, gồm thâm tất cả hữu vi và Phi trạch diệt, đều do tác dụng của sĩ phu đã đạt được, đều gọi là quả sĩ dụng. Tất cả hữu vi do tự thể của nhân không chướng ngại mà sinh, là quả tăng thượng. Lại, do Thánh đạo vô vi được hiển tỏ, cũng là quả tăng thượng. Văn luận giản lược, mà không đầy đủ, pháp nói không hết.

Kế là, giải thích tên Dị thực. Nhân là thiện, ác, quả là vô ký. Nhân khác nhau mà vì thành thực, nên gọi là Dị thực, là từ nghĩa được tên. Tất cả hữu vi trước, sau giống nhau gọi là nhân Đẳng lưu . Đẳng lưu là quả, gọi là quả Đẳng lưu, tức ngay thể mà được tên. Cũng có thể Đẳng lưu chung là quả, gọi là quả Đẳng lưu, tức từ nhận được tên.

Thể của Trạch diệt vô vi dứt hết trói buộc nên gọi là ly hệ (lìa trói buộc) Ly hệ tức quả, đương thể được tên.

Năm uẩn hoà hợp, giả lập sĩ phu, quả mà tác dụng sĩ phu có được, gọi là quả sĩ dụng. Quả nấy tức từ tác dụng của nghĩa đạt tên. Sĩ phu là dụng nghĩa, là tác dụng. Hoặc muôn pháp không chướng ngại, mỗi một pháp đều có tăng thượng. Tăng thượng tức quả, ngay thể được tên. Cũng có thể sử dụng nhân có được công của quả, gọi là quả tăng thượng, từ nhân được gọi là tên gọi là.

Lại nữa, nói: “hoặc giống như nghiệp trước, quả sau tùy chuyển. Như nói: “Sát sinh, tuổi thọ thân sau, tức mạng ngắn ngủi v.v... Quả có thể được, dường như nhân trước, nên nói dường như nghiệp trước, quả sau tùy chuyển.”

Sau đây là tổng kết như văn.

Trên đến đây giải thích về tướng trạng của chánh nhân, quả xong.

Dưới đây nói về tướng mạo đã làm, chưa làm, được, mất, trong đó, trước giải thích, sau kết.

Biết xong, khiến cho nghiệp, trí lực, chủng tánh (chủng tánh của trí lực của nghiệp) được tăng trưởng dần.

Luận sư Cảnh nói: “Nhân nghĩa nhận, cho, trước là nói về bốn duyên nhận, cho. Nhân “duyên” sinh quả, quả khởi. Hạt giống hiện tại, khi đối với tướng quả sinh, được gọi là nhận, cho. Diệt tướng quá khứ không có pháp, không gọi là nhận, cho?”

Đáp: Tự loại của hạt giống danh ngôn lúc sinh ra nhau, lúc niệm

trước diệt có quả dất dẫn gọi là Thọ. Hạt giống của niệm sau khởi, lúc trụ tướng sanh thì, hạt giống trước mới được tên. Với duyên đẳng Vô gián, việc nhận, cho cũng thế.

Duyên Sở duyên: Nghĩa là nếu lúc “duyên” hiện cảnh, tâm, tâm sở sinh, thì tác nghiệp cảnh giới đồng thời nhận, cho. Nếu lúc “duyên” pháp không có: lòng rùa, sừng thỏ ở quá khứ, vị lai, tâm đương lai của tướng phần biểu hiện rõ tướng phần, sinh ra kiến phần, cũng gọi là nhận, cho.

Duyên tăng thượng, cũng y cứ ở hiện tại sinh ra quả, gọi là nhận, cho. Pháp sư Cơ nói: “Nói là các hữu tình tự mình tạo nghiệp đến cuối cùng chẳng có mất mát, hư hoại. Đây là nói chung về nghĩa huân tập v.v... của phần hữu, cũng không có không làm, hoặc khác với quả Thực. Đây là kết Thủ, Hữu.”

Pháp sư Thái nói: “Đây là khởi cách đối. Cũng không có không tạo nghiệp mà có quả thực. Hoặc về sau tạo ra nhân ác khác mà có dị thực như hương khác, v.v...”

Luận sư Cảnh về sau giải thích thêm: “Không có người kia làm khác, người này Dị thực.”

Đáp câu hỏi đầu tiên xong. Dưới đây, trong đáp câu hỏi thứ hai, trước hỏi, kế là, giải thích, sau là kết.

Bỏ câu hỏi xa trước, nên nêu lại câu hỏi rằng: “Bồ-tát cầu nghe chánh pháp như thế nào?”

Trong giải thích có ba:

- 1- Nghe pháp hết lòng trân trọng.
- 2- So lường, làm rõ vượt hơn.
- 3- Nói lại nghe pháp ân cần, trân trọng.

Trong phần so lường, Ngài Tam Tạng nói: “phân số, phần trăm, phần ngàn, tức tương đương phần muôn; phần toán tức tương đương phần ức. Cho đến phần Ổ-Ba-Ni-Sát-Đàm. Đây là cùng cực trong số của phương Tây, như giống với hư hoại trong đây, chỗ chuyên trong rãnh nước, số chỗ rất cùng cực.”

Ngài Tam Tạng lại nói: “Theo số của Tiểu thừa, có sáu chục, gọi là một a-tăng-kỳ. Nếu theo số của Đại thừa, thì có sáu trăm, gọi là một a-tăng-kỳ.”

Luận sư Trắc nói: Nếu trong Bồ-tát Đại thừa, có một trăm hai mươi số. Như kinh Tạng Nghiêm nói: “Tức là số một trăm hai mươi thứ nhất, tức Luận này gọi là phần Ổ-Ba-Ni-Sát-Đàm.

Nói lại nghe pháp hết lòng: Trước, nói vì kính trọng pháp, nên

tâm không có vấn nạn. Sau nói ở chỗ thầy, không có nhiễm, tán loạn, trong đó, trước, nêu hai câu. Sau, hai câu của lúc khác.

Trong giải thích vô nhiễm gồm có: Hỏi, giải thích, kết.

Trong giải thích, trước nêu ba trường hợp. Kế là, chia ra số tướng của ba trường hợp. Sau giải thích riêng rằng: “Nói không vì thuận theo, không tìm kiếm lỗi lầm v.v...”

Định bổ khuyết: “Lúc Bồ-tát nghe pháp, không vì thuận theo mong cầu, mà vì người tu hành nên nghe pháp, cũng không tìm kiếm lỗi lầm của thầy. Nghe pháp không tự khinh miệt, nghĩa là khởi tâm rèn luyện, mài mòn, chớ tự khinh miệt.”

Giải thích không có tán loạn: “Nghe tiếng thuộc về tai. Linh là nghe. Nghe tiếng chuyên ở tai.”

“Vì sao Bồ-tát cầu nghe chánh pháp” trở xuống, là đáp câu hỏi thứ ba về ý cầu pháp. Muốn cầu Trí nhất thiết, vì trí nên cầu pháp.

Trong giải thích nên nói chánh pháp, đầu tiên, là kết trước, sinh sau, tức là ba câu hỏi: Sẽ nói pháp gì?, nghĩa là hỏi về pháp đã nói; nói thế nào? Nghĩa là hỏi về cách nói; và vì nghĩa gì nên nói? Nghĩa là hỏi về ý nói pháp.”

Dưới đây, trong đáp, trước là đáp hai câu hỏi đầu và sau. Sau là đáp phương của thuyết thứ hai, nghĩa là các Bồ-tát chính là đối tượng nên cầu, tức là đối tượng nói, tức Bồ-đề, Niết-bàn, chỗ của đối tượng nên cầu, vì Bồ-đề, Niết-bàn này mà nói cho người khác nghe.

“Dựa vào hai thứ tương ứng vì người khác nói ” trở xuống, là v.v... đáp câu hỏi thứ hai, nói về phương pháp, trong đó có ba:

- 1- Chia ra hai môn.
- 2- Giải thích theo thứ lớp.
- 3- Tổng kết làm hai.

Mười tướng, thuộc về Chương môn ở trước, dựa vào thuận theo nói có mười lăm.

Nói không gián đoạn. Nghĩa là nói nghĩa cho người nghe, theo thứ lớp không có xen hở.

Không làm ra vẻ tay của thầy; nghĩa là cầm đưa lên không bỏ xuống, gọi là nắm. Bồ-tát nói pháp tác động không nắm tay, không keo kiệt. Cũng nói là không chấp tác động ý của sư trưởng, mà không bỏn sẻn chánh pháp. Nói thanh tịnh có hai tướng rất dễ hiểu.

Lấy hai mươi tướng thuộc đương hai môn.

Hai mươi câu, nghĩa là nếu theo Luận sư Cảnh nói rằng: “1- Nên phải an trụ, oai nghi đúng pháp v.v... gọi là đúng thời. Lại, đối với

chánh pháp, sinh tâm tôn trọng, gọi là trọng pháp.

“Lại, vì tất cả nói pháp v.v... ” trở xuống, có mười ba câu, gọi là theo thứ lớp nói.

Như thế, theo thứ lớp xét nghiệm lại, gọi là thuộc đương rất dễ hiểu.”

Luận sư Trắc nói: “Như thứ lớp đó, phối hợp với hai mươi tướng trước”.

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Bốn pháp nối tiếp nhau, nghĩa là chánh pháp không keo kiệt ở trước, nghĩa là vì không keo kiệt, nên vì nói một cách liên tục.”

Mười pháp không đuổi, nghĩa là nói lời chúc mừng, an ủi trước đối với kẻ có tội, không xua đuổi trừng phạt họ, chỉ nên chúc mừng, an ủi.”

Là trong giải thích về pháp tùy pháp hạnh, đầu tiên, chia ra năm môn. Sau giải thích theo thứ lớp: thân, ngữ, ý, nghiệp là ba. Chánh Tư thứ tư; chánh tu thứ năm.

Pháp tùy pháp hạnh. Đã giải thích như trước.

Luận sư Trắc nói: “Pháp là học pháp . Tùy pháp hạnh là nghi thức của Học”

Trong giải thích, chia làm ba:

- 1- Giải thích ba nghiệp
- 2- Giải thích chánh tư.
- 3- Giải thích chánh tu.

“Nếu Phật, Thế tôn chế phục thân ngữ ý tức giới luật nghi. Chia ra thân, ngữ, ý, tức hai nhóm giới: Nhiếp thiện và Nhiếp chúng sinh.

Không có xa lìa trái ngược. Nghĩa là lìa lỗi, tức Giới luật nghi, không có tu chứng trái ngược, tức hai nhóm giới sau.

Trong giải thích Chánh tư, trước hỏi, kế là, giải thích; sau là kết.

Trong giải thích, 1/ Nói về tướng của tám tư duy. 2/ Do chủ thể xa lìa không nghĩ bàn.” trở xuống là thành tám tướng có lợi ích.

Trong phần trước, nói là các Bồ-tát cho đến trước phải xa lìa chỗ không nghĩ bàn, để tư duy pháp kia là tướng thứ nhất.”

Nói “Chỗ không nghĩ bàn”, như: khi thế gian là hữu biên, vô biên? Chúng sinh thế gian có hết, không có hết v.v... Nếu tư duy, thì sẽ phát sinh điên loạn! Luận Hiển Dương nói: “Xứ không nghĩ bàn gồm có chín:

- 1- Ngã.
- 2- Hữu tình.

- 3- Thế giới.
- 4- Nghiệp báo.
- 5- Tĩnh lực, nghĩa là cảnh giới.
- 6- Cảnh giới của chư Phật.
- 7- Mười bốn thứ không thể ghi chép.
- 8- Chẳng phải chánh pháp.
- 9- Tất cả thuộc về Niết-bàn.

Giải thích rộng, như Luận Hiển Dương kia.

“Kế trở xuống, cho đến” mà không có trở nãi, “thong thả” là thứ hai.

“Kế trở xuống, cho đến dùng lý quán sát mà tùy ngộ nhập, thứ ba.”

“Kế trở xuống, đối với phần ít kia, chỉ tin hiểu sâu, thứ tư”.

“Kế trở xuống, cho đến chỉ dựa vào nghĩa kia, không theo văn kia”, thứ năm.

“Như thật biết rõ nói là chắc, gọi là đại,” thứ sáu.

nói: “Nói hắc, nói đại” là nói ác. Nói thiện.

“Chính thức biết rõ tư duy trước nhất” là thứ bảy.

“Đã ngộ nhập rồi, thường thường tác ý, khiến được vững chắc,” thứ tám.

Lại trong thành tám tướng v.v... Pháp sư Thái giải thích rằng: “Đối với nghĩa chân thật, không có vật, không có pháp gì để khuynh đảo, có thể lay động, nghĩa là không có nhân, vật nào để khuynh loát, không có giáo pháp nào để lay động. Chính là có thể ngộ nhập tư duy ban đầu, nghĩa là tư Tuệ gọi là tư duy trước nhất”.

Trong giải thích về chánh tu, trước hỏi, kế giải thích. Trong giải thích gồm có bốn:

- 1- Nêu số, nêu tên
- 2- Dựa vào nêu mà giải thích
- 3- Kết làm rõ lợi ích của tu.
- 4- Tổng kết hạnh nghiệp của bốn tu cùng khắp.

Thứ nhất, thứ hai trong bốn tu là tu riêng. Thứ ba, đều cùng tu, chưa được thành tựu viên mãn. Thứ tư, ưa được thành tựu viên mãn, nhậm vận khởi”.

Luận sư Cảnh nói: “Về đạo lý, tu chỉ, quán đều có, vì lúc tu chỉ, quán, thế có tăng, giảm. Nếu thế của “Chỉ” tăng, thì gọi là Tu Xa-ma-tha; “Quán” tăng, gọi là Tu tỳ-Bát-Xá-Na; chỉ, quán đồng, đều gọi thì song tập. Thuần thực, gọi là ưa tu”.



Luận sư Trắc nói: “Do tám thứ tư duy đều thiện, vì nương tựa, gìn giữ, tức tám thứ tướng của tư, là nói nhân.

Đối với lia ngôn thuyết, chỉ sự, chỉ nghĩa trong cảnh sở duyên, là cảnh sở duyên. (Đối tượng duyên) của định. Lia ngôn thuyết, nương tựa y tha và lia ngôn thuyết, nghĩa viên thành thật tánh làm cảnh sở duyên.

Buộc tâm cho dừng lại, chính là nói về thể, lia các hý luận v.v... nói về lia chương Hí luận, tức là năm thứ. Xét theo đối pháp, đối với các sở duyên mà tạo nên thắng giải”.

“Xét về địa Thanh văn, phải biết rằng v.v... ” trở xuống: trong kết nói lên lợi ích của tu, lượt đầu kết tu tập định, tuệ thứ ba trên. Định, tuệ thanh tịnh là kết ưa tu tập thứ tư trên. Dưới đây, chỉ nói riêng, dựa vào định mà được, nghĩa là trong đối tượng nương tựa, nên bỏ đi thô, nặng, là dứt trừ chất khoáng cứng, là tánh không điều hòa; nhu thuận trong thân người kia, là công năng của “chỉ”. Và, đối với sở tri. Nên thanh tịnh tri kiến, là công năng của “quán”.

Trong giải thích về giáo thọ, trước hỏi; kế giải thích. Trong giải thích có ba:

1- Nói về tám loại giáo thọ.

2- Gồm tám thành ba.

3- “Bồ-tát như thế, hoặc do v.v... ” trở xuống, là nhắc lại kết giáo thọ thành tám tánh.

Trong phần trước, đầu tiên là nêu số, phân biệt về sự truyền dạy mình, người.

“ Đến khi truyền dạy ” trở xuống, là nói thích đáng tám thứ.

1. “Nói là hoặc Tam-ma-địa vì làm y chỉ, nên từ bi v.v... đối với người kia, là nói các Bồ tát có khả năng dạy bảo người, ý nói hoặc do còn lại đến làm Giáo thọ cho người, là nói về Bồ-tát kia vì người, Đại Bồ-tát khác và Phật truyền dạy, văn dưới đây, lại tự chứng tỏ. Nhưng loại bốn trước trong tám giáo-thọ, xét kỹ căn cơ, dùng làm phương tiện truyền dạy. Bốn giáo-thọ sau, chính thức nói về giáo-thọ.

Đầu tiên, tư duy tâm mình. Pháp sư Thái nói Tâm là định. Tâm, Tư là bốn Tâm, Tư. Trí Như thật là bốn Trí Như thật. Trước hết, Bồ-tát dùng Tâm, Tư để tìm kiếm, tư duy định. Lại, dùng trí như thật để nhận biết đúng về định.

2. Kế là, căn Tâm, Tư: tức bốn căn như tín v.v... Ý ưa thích, tức ưa muốn.

3. Tùy-miên Tâm, Tư, Nghĩa là chủng-tử của Tâm, Tư, Dục v.v...,

tức gọi là Tánh. Pháp sư Thái nói: Ở trước nói về dục v.v... đều y cứ ở hiện khởi, huân tập thành hạt giống, gọi là tùy miên. Tùy miên, là tên chung của hạt giống, cũng có thể y cứ riêng hạt giống phiền não để nói. Tánh căn dục của tâm này, tức là cảnh giới của bốn Lực, đều trước khởi Tâm, Tư, sau khởi Trí Như thật.

4- Tầm, Tư ở dưới, nói về giáo thọ.

5- Dạy thực hành năm pháp quán dừng tâm.

6- Dạy quán có nhân ở quá khứ, lia chấp thường.

7- Dạy quán sẽ có quả của sinh, già chết ở vị lai, lia chấp đoạn.

8- Dạy ruộng bỏ tâm tăng thượng mạn không được, cho là được.

Pháp sư Tuệ Viễn nói: “Chưa làm cho rằng đã làm, chưa được cho rằng đã được. Người này khởi ngạo mạn đối với giáo đạo. Chưa tiếp xúc, cho là đã tiếp xúc; chưa chứng cho là đã chứng, người này khởi ngạo mạn đối với chứng đạo, đều đầu cuối chia làm hai.

Nhiếp Luận về sau, các đức v.v... như thế nào? Hai đức trước, y cứ lượng trí, hai đức say y trí chánh thể, có khi chẳng phải bốn ngạo mạn không có khác nhau.”

Có thuyết nói: “Chưa làm cho rằng đã làm là sự ngạo mạn của phàm phu. Không được cho rằng được là sự ngạo mạn của Dự lưu. Chưa tiếp xúc cho rằng đã tiếp xúc là ngạo mạn của Tư-đà-hàm. Chưa chứng cho rằng đã chứng là sự ngạo mạn của A na hàm.”

Có thuyết nói: “Đều là sự ngạo mạn của bậc Thánh, hai câu đầu nói về ngạo mạn được quả vô vi. Bốn ngạo mạn này là thú hưởng khắp hành v.v...”

Bốn lực sau, như thứ lớp phối hợp: gồm thâm tám, là năm thứ trước gồm thu trong ba là một, cái gọi là trụ nơi nhiếp tâm.

Kế là, chung cho cả hai thứ xa lia đoạn, thường, được gọi là lợi mình.

Vì một xả ở lưu nạn, nếu biết tâm kia cho đến buộc niệm không có trái ngược giải thích về năm thứ trước là một nghĩa đầu.

“Nếu vì nói rộng về chủ thể trị đoạn, thường v.v... ” trở xuống, là giải thích lia đoạn, thường là nghĩa thứ hai.

“Nếu niệm xả v.v... ” trở xuống, là giải thích thứ tám, là nghĩa thứ ba.

Nếu, kết giáo thọ thành trong tánh của tám lực.

Nói: “hoặc do người khác được từ chính thức truyền dạy, nghĩa là nêu, kết đoạn vẫn ở trước. Hoặc do Bồ-tát khác kia; hoặc do đức Như lai v.v... hoặc do bố thí cho người v.v...”

Nhắc lại kết: hoặc do Tam-ma-địa là ba câu như Y chỉ v.v...

Đã nói chủng tánh của tám lực được tăng thượng. Luận sư Cảnh phân biệt: “Nói về tánh của chánh nhân, quả ở trước do mười lực đã xong, khiến cho chủng tánh của lực xứ, phi xứ được tăng trưởng.

Kế là, nói về việc đã làm thì không mất, chưa làm thì không được. Lại khiến chủng tánh của Nghiệp trí lực tăng trưởng. Tám lực còn lại chưa nói, vì rằng thời nay chỉ nói là chủng tánh của tám lực được tăng trưởng.”

Luận sư Trắc nói: “Hai lực trước, đại khái nói về nhân, quả để cho động vật phát sinh niềm tin, vì chúng giáo hóa. Tám lực sau, nói về công hạnh truyền trao mọi người khiến họ tập nói, làm Giáo thọ. Vì thế, nên nay y cứ ở lực này nói là tám, hoặc giải thích đồng với Luận sư Cảnh.

Nói về dạy răn rất dễ hiểu.

Trong giải thích về thân, ngữ, ý thuộc về phương tiện cho rằng: “Lại, vì nhân duyên gì chỉ có bốn nhiếp Sự nói là phương tiện? Ý hỏi: Về công hạnh thì rất nhiều, vì sao chỉ nói bốn nhiếp lợi người?”

“Trong ý đáp ở dưới, về công hạnh lợi người rất rộng, trong đó, đại khái gồm thân bốn, tức cùng tận, không có tăng trưởng quá.

Phương tiện tùy nhiếp. Luận sư Cảnh nói: “Bố thí nhiếp hóa người khác, vì thuận theo ái ngữ, nên gọi là phương tiện tùy nhiếp.”

Luận sư Trắc nói: “Thực hành bố thí trước, là vì tùy thuận hữu tình kia, nên gọi là phương tiện tùy nhiếp.”

Về phương tiện chủ thể nhiếp (năng nhiếp) Luận sư Cảnh nói: “Ái ngữ, khai đạo, chính là “năng nhiếp” Luận sư Trắc nói: “Người kia chưa nương tựa ở mình, khiến cho họ nhiếp thọ, quán sát lý lẽ chân chính, gọi là phương tiện Năng Nhiếp.”

Khiến nhập phương tiện. Luận sư Cảnh nói: “Công hạnh lợi tha, là khiến cho hữu tình kia lìa điều ác, khuyên đến với đạo, điều phục chúng, gọi là khiến nhập. Pháp sư Trắc nói: Sau khi quán sát xong, bảo họ đi vào chỗ thiện, nên gọi là khiến nhập.”

Phương tiện Tùy chuyển. Luận sư Cảnh nói: “Đồng sự, nghĩa là đối với sự nghiệp chính đáng, cũng tu hành chung, là phương tiện khiến người kia tùy theo công hạnh của mình mà đổi phương tiện.

-----